

ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP HCM

HỌC PHẦN THUẾ



CHƯƠNG 5

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

CORPORATE INCOME TAX

GVGD: NGUYỄN ĐẶNG HẢI YẾN

Ngày cập nhật: T7/2020

VĂN BẢN LUẬT THAM KHẢO



- VBHN số 14/VBHN-VPQH về Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 11/12/2014.
- VBHN số 09/VBHN-BTC về Nghị định quy định về Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 7/5/2018
- VBHN số 66/VBHN-BTC về Thông tư quy định về Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19/12/2019
- Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28/06/2018 về hướng dẫn chi và quản lý quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp

MỤC TIÊU



- Hiểu được những vấn đề liên quan đến thuế TNDN: khái niệm, thuế TNDN có vai trò gì đối với nền kinh tế, những đối tượng chịu thuế TNDN, các trường hợp chủ thể được miễn, giảm, hoàn lại thuế.
- Nắm được phương pháp tính thuế TNDN.
- Nắm rõ quy trình kê khai thuế và nộp thuế.

NỘI DUNG



I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ THUẾ THU NHẬP DN

- Khái niệm.
- Quá trình hình thành và phát triển.
- Vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp.

II. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH TẠI VIỆT NAM.

III. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP Ở MỘT SỐ QUỐC GIA KHÁC.

IV. CẢI CÁCH THU NHẬP DOANH NGHIỆP

5.1.1. KHÁI NIỆM



- Là loại thuế trực thu mà Nhà nước đánh vào thu nhập phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và các khoản thu nhập khác hợp pháp của các tổ chức (còn được gọi là doanh nghiệp).
- Tiền thuế TNDN được xác định dựa trên phần thu nhập thuộc đối tượng chịu thuế của DN. Thu nhập chịu thuế của DN được xác định sau khi được miễn trừ chi phí hợp lý và các khoản thu nhập được miễn, giảm thuế.

5.1.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH



- Năm 1990: ban hành Luật thuế Lợi tức.
- Năm 1993: sửa đổi, bổ sung Luật thuế Lợi tức
- Năm 1997: ban hành Luật thuế TNDN.
- Năm 2003: ban hành Luật thuế TNDN (mới).
- Năm 2008: ban hành Luật thuế TNDN (mới).
- Năm 2013: sửa đổi, bổ sung Luật thuế TNDN năm 2008.
- Năm 2014: sửa đổi, bổ sung các Luật về thuế.

5.1.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH



Số / Ký hiệu	Ngày BH	Trích yếu
32/2013/QH1 3	19/06/2013	Luật sửa đổi bổ sung một số điều luật thuế TNDN
14/2008/QH1 2	03/06/2008	Luật thuế TNDN
09/2003/QH11 3	26/06/2010	Luật thuế TNDN
57/L/CTN	22/05/1997	Luật thuế TNDN
	19/07/1993	Luật sửa đổi bổ sung một số điều của thuế lợi tức
	08/08/1990	Luật thuế lợi tức

5.1.3. VAI TRÒ



- Thuế TNDN đảm bảo cơ cấu nguồn thu ngân sách ổn định.
- Thuế TNDN là công cụ quan trọng của nhà nước trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế.
- Thuế TNDN là công cụ quan trọng để nhà nước thực hiện chức năng tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội.
- Thuế TNDN là công cụ đánh giá hiệu quả của người nộp thuế

5.2. LUẬT THUẾ TNDN HIỆN HÀNH



5.2.1

NGƯỜI NỘP THUẾ

5.2.2

PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

5.2.3

ƯU ĐÃI THUẾ

5.2.4

KÊ KHAI NỘP THUẾ

5.2.1. NGƯỜI NỘP THUẾ



Là tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh Hàng hóa dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định, bao gồm:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của PLVN.
- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của luật nước ngoài có cơ sở thường trú/không có cơ sở thường trú tại Việt Nam.
- Tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã.
- Đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập.
- Tổ chức khác

5.2.1. NGƯỜI NỘP THUẾ



Cơ sở thường trú là cơ sở sản xuất kinh doanh mà thông qua đó doanh nghiệp nước ngoài tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Việt Nam mang lại thu nhập, ví dụ như:

- Chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, công xưởng, phương tiện vận tải, hầm mỏ.....
- Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp.
- Cơ sở cung cấp dịch vụ; đại lý cho doanh nghiệp nước ngoài.

5.2.1. NGƯỜI NỘP THUẾ



- ❑ Doanh nghiệp nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt nam:
 - Nộp thuế đối với phần thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam và thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài VN liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú đó.
 - * Nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại VN mà khoản thu nhập này không liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú.
- ❑ Doanh nghiệp được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam:
 - Nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại và thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt Nam.

5.2.1. NGƯỜI NỘP THUẾ



5.2.1. NGƯỜI NỘP THUẾ.

- ❑ Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt nam, thì:
 - ** Nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại/ngoài Việt Nam liên quan đến hoạt động của cơ sở thường trú đó.
 - Số thuế TNDN phải nộp được tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ tại VN

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ CỦA DNNN



Là cơ sở sản xuất, kinh doanh mà thông qua cơ sở này, doanh nghiệp nước ngoài *tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam*, bao gồm:

- Chi nhánh, văn phòng điều hành, nhà máy, công xưởng, phương tiện vận tải, mỏ dầu, mỏ khí, mỏ hoặc địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên khác tại Việt Nam;
- Địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp đặt, lắp ráp;
- Cơ sở cung cấp dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn thông qua người làm công hoặc tổ chức, cá nhân khác.
- Đại lý cho doanh nghiệp nước ngoài;
- Đại diện tại Việt Nam *trong trường hợp là đại diện có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài hoặc đại diện không có thẩm quyền ký kết hợp đồng đứng tên doanh nghiệp nước ngoài nhưng thường xuyên thực hiện việc giao hàng hoá hoặc cung ứng dịch vụ tại Việt Nam*

BIỂU THUẾ ÁP DỤNG DNNN



HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ
Dịch vụ	5%
- Riêng quản lý nhà hàng, khách sạn, casino	10%
Cung ứng dịch vụ có gắn với hàng hóa	1%
- Không tách riêng được giá trị dịch vụ và hàng hóa	2%
Cung ứng phân phối HH tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ, hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế	1%
Tiền bản quyền	10%
Thuê tàu bay	2%
Thuê giàn khoan, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	5%
Lãi tiền vay	5%
Chuyển nhượng chứng khoán	0,1%
Dịch vụ tài chính phái sinh	2%

5.2.1. NGƯỜI NỘP THUẾ



❑ Đơn vị sự nghiệp tổ chức không phải là doanh nghiệp, thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam, có hoạt động kinh doanh hàng hóa, có thu nhập chịu thuế hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí:

Số thuế TNDN phải nộp được tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa dịch vụ tại Việt nam.

BIỂU THUẾ ÁP DỤNG ĐƠN VỊ SNCL



HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ
Dịch vụ (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi cho vay)	5%
- Riêng hoạt động giáo dục y tế, nghệ thuật	2%
kinhhàng hóa	1%
	2%
Cung ứng phân phối HH tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ, hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế	1%
Tiền bản quyền	10%
Thuê tàu bay	2%
Thuê giàn khoan, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải	5%
Lãi tiền vay	5%
Chuyển nhượng chứng khoán	0,1%
Dịch vụ tài chính phái sinh	2%

5.2.2. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ



$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{TS thuế TNDN}$$

❖ Nếu DN có trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Thuế TNDN phải nộp	=	{ Thu nhập tính thuế	-	{ Quỹ phát triển KHCN	*	Thuế suất thuế TNDN
--------------------	---	----------------------	---	-----------------------	---	---------------------

5.2.2. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ



Thu nhập
tính thuế

=

Thu nhập
chịu thuế

—

Thu nhập
miễn thuế

—

Lỗ
kết chuyển

Thu nhập
chịu thuế

=

Doanh thu
tính thuế

—

Chi phí
được trừ

+

Thu nhập
chịu thuế khác

THU NHẬP KHÁC



- 1. Từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán.**
- 2. Từ chuyển nhượng bất động sản.**
- 3. Từ chuyển nhượng dự án đầu tư; từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư; từ chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.**

Lưu ý: Phải xác định riêng lẻ các khoản thu nhập sau để kê khai nộp thuế. Nếu lỗ, số lỗ này được bù trừ với lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế; nếu còn lỗ được chuyển lỗ sang năm sau vào thu nhập tính thuế của hoạt động đó.

THU NHẬP KHÁC



5.2.2. PP TÍNH THUẾ - THU NHẬP KHÁC (tt).

4. Từ quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản, từ quyền sở hữu trí tuệ, từ chuyển giao công nghệ.
5. Từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản trừ bất động sản.
6. Từ lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn.
7. Từ hoạt động bán ngoại tệ.
8. Từ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính.
9. Khoản nợ khó đòi đã xóa nay đòi được.

THU NHẬP KHÁC



10. Khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ.
11. Từ hoạt động sản xuất kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót phát hiện ra.
12. Chênh lệch do đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật để góp vốn, điều chuyển tài sản khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình.
13. Chênh lệch dương giữa thu về tiền phạt, tiền bồi thường do vi phạm HĐKT hoặc thưởng do thực hiện tốt cam kết theo hợp đồng(không bao gồm các khoản tiền phạt tiền bồi thường ghi giảm giá trị công trình trong giai đoạn đầu tư) trừ (-) đi khoản bị phạt trả bồi thường do vi phạm hợp đồng.

THU NHẬP KHÁC



14. Quà tặng, quà biếu bằng tiền, bằng hiện vật; thu nhập nhận được bằng tiền, bằng hiện vật từ các nguồn tài trợ, từ các khoản hỗ trợ tiếp thị, hỗ trợ chi phí, chiết khấu thanh toán, thưởng, và các khoản khác.

15. Các khoản tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác doanh nghiệp nhận được do di dời cơ sở sản xuất.

16. Các khoản trích trước vào chi phí nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết theo kỳ hạn trích lập mà doanh nghiệp không hạch toán điều chỉnh giảm chi phí; khoản hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

THU NHẬP KHÁC



17. Thu nhập về tiêu thụ phế liệu, phế phẩm sau khi đã trừ chi phí thu hồi và chi phí tiêu thụ.

18. Tiền hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu phát sinh của các năm quyết toán thuế TNDN trước.

19. Từ các hoạt động góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết kinh tế trong nước được chia từ thu nhập trước khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

20. Từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài.

21. Các khoản thu nhập khác

THU NHẬP KHÁC



- Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở nước ngoài chuyển phần thu nhập sau khi đã nộp thuế TNDN ở nước ngoài của DN về VN thì:
 - Đối với các nước mà VN **đã** ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần: thực hiện theo quy định của Hiệp định.
 - Đối với các nước mà VN **chưa** ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần: trường hợp ở nước ngoài có mức thuế suất thuế TNDN thấp hơn thì thu phần chênh lệch so với số thuế tính theo Luật VN.

VÍ DỤ 1



Doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động kinh doanh ở nước ngoài, trong kỳ tính thuế có tổng thu nhập 400 triệu đồng. Với thuế suất TNDN 20% ở Việt Nam.

Yêu cầu: Xác định số thuế TNDN phải nộp thêm là bao nhiêu, trong hai trường hợp:

- a. Số thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài là 64 triệu đồng.
- b. Số thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài 85 triệu đồng.

VÍ DỤ 2



Doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động kinh doanh ở nước ngoài, trong kỳ tính thuế có tổng thu nhập 400 triệu đồng, đã nộp thuế ở nước ngoài. Với thuế suất TNDN 20% ở Việt Nam.

Yêu cầu: Xác định số thuế TNDN phải nộp thêm là bao nhiêu, trong hai trường hợp:

- a. Thuế suất thuế TNDN ở nước ngoài là 15%.
- b. Thuế suất thuế TNDN ở nước ngoài là 25%.

VÍ DỤ 3



Một doanh nghiệp Việt Nam có một khoản thu nhập 1.1 tỷ VND từ dự án đầu tư tại nước ngoài. Khoản thu nhập này là thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập theo Luật của nước ngoài. Số thuế thu nhập phải nộp tính theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp của nước ngoài là 250 triệu VND.

Yêu cầu: Xác định số thuế TNDN phải nộp thêm là bao nhiêu..

DOANH THU



Là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ bao gồm các khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

* Doanh thu được tính bằng đồng Việt Nam.

* Thời điểm ghi nhận doanh thu:

- **Đối với hàng hóa:** Là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, sử dụng hàng hóa của người mua.
- **Đối với dịch vụ:** thời điểm hoàn thành việc cung ứng Dịch vụ/ lập hóa đơn cho người mua

DOANH THU



Doanh thu được tính bằng đồng Việt Nam, trường hợp doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng VN theo tỷ giá giao dịch do NHNN công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ.

Trong trường hợp DN nộp thuế GTGT theo phương pháp

- **Khấu trừ:** Doanh thu là doanh thu không có thuế GTGT.
- **Trực tiếp:** Doanh thu là doanh thu có thuế GTGT.

DOANH THU TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ



1. Hàng hóa bán theo phương thức trả góp.

Doanh thu được xác định theo giá bán hàng hóa trả một lần, không bao gồm tiền lãi trả góp, trả chậm.

2. Hàng hóa dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ.

Doanh thu được xác định theo giá bán của sản phẩm hàng hóa dịch vụ cùng loại hoặc tương đương trên thị trường tại thời điểm trao đổi, tiêu dùng nội bộ.

DOANH THU TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ



3. Đối với hoạt động gia công hàng hóa:

Doanh thu được xác định bằng số tiền thu về hoạt động gia công bao gồm cả tiền công, chi phí về nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hóa.

4. Đối với cho thuê Tài sản:

Doanh thu được xác định bằng số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng. Trường hợp bên thuê trả tiền thuê trước cho nhiều năm thì doanh thu được phân bổ.

VÍ DỤ 2



Trong kỳ tính thuế, một cơ sở kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có cho thuê TSCĐ với kỳ hạn hợp đồng 12 năm, giá cho thuê (chưa thuế GTGT) là 10 triệu đồng/năm. Tổng giá trị hợp đồng 120 triệu đồng. Theo thỏa thuận, bên thuê trả từng năm.

Yêu cầu: Xác định doanh thu hàng năm để tính thu nhập chịu thuế từ hoạt động này.

VÍ DỤ 3



Trong kỳ tính thuế, một cơ sở kinh doanh tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có cho thuê TSCĐ với kỳ hạn hợp đồng 10 năm, giá cho thuê (chưa thuế GTGT) là 10 triệu đồng/năm. Theo thỏa thuận, bên thuê trả trước 10 năm, các năm còn lại ko trả .

Yêu cầu: Xác định doanh thu hàng năm để tính thu nhập chịu thuế từ hoạt động này.

DOANH THU TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ



5. Đối với hoạt động tín dụng, cho thuê tài chính.

Doanh thu được xác định bằng số tiền lãi cho vay, doanh thu về cho thuê tài chính phải thu phát sinh trong kỳ tính thuế

6. Đối với hoạt động vận tải

Doanh thu được xác định bằng toàn bộ doanh thu cước vận chuyển hành khách, hàng hóa, hành lý phát sinh trong kỳ tính thuế.

7. Đối với điện, nước sạch

Doanh thu được xác định bằng số tiền ghi trên hóa đơn GTGT

DOANH THU TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ



8. Đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm

Doanh thu được xác định bằng số tiền phải thu về phí bảo hiểm gốc, phí dịch vụ đại lý và các phí khác trừ các khoản hoàn hoặc giảm phí liên quan đến hoạt động bảo hiểm, tái Bảo hiểm.

9. Đối hoạt động kinh doanh casino, trò chơi có thưởng

Doanh thu được xác định bằng số tiền thu từ hoạt động này bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt trừ số tiền đã trả thưởng cho khách

10. Đối với dịch vụ tài chính phát sinh.

Doanh thu là số tiền thu từ việc cung ứng các dịch vụ tài chính phát sinh thực hiện trong kỳ tính thuế.

DOANH THU TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ



11. Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt

Doanh thu được xác định bằng giá trị công trình, hạng mục công trình hoặc khối lượng công trình xây dựng, lắp đặt được nghiệm thu.

12. Đối với kinh doanh chứng khoán

Được xác định bằng các khoản thu từ: Dịch vụ môi giới, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn chứng khoán; Quản lý quỹ đầu tư, phát hành Chứng chỉ quỹ, dịch vụ tổ chức thị trường và các Dịch vụ chứng khoán khác.

DOANH THU TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ



13. Đối với hoạt động thăm dò, tìm kiếm khai thác dầu khí

Doanh thu được xác định bằng toàn bộ doanh thu bán dầu khí theo hợp đồng giao dịch song phẳng trong kỳ tính thuế.

14. Đối với HH của các đơn vị giao đại lý, ký gửi và nhận đại lý, ký gửi theo HĐ đại lý, kí gửi bán đúng giá được xác định như sau:

- DN giao hàng hóa cho các đại lý, ký gửi (kể cả bán hàng đa cấp) là tổng số tiền bán hàng hóa.
- DN nhận làm đại lý, ký gửi bán hàng, đúng giá quy định của DN giao đại lý, ký gửi là tiền hoa hồng được hưởng theo hợp đồng đại lý, ký gửi hàng hóa.

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ



Thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động
sản xuất kinh doanh

Hoạt động giáo
dục nghề nghiệp

ĐK

Nhiệm vụ quốc
phòng, an ninh của
doanh nghiệp

Có đầy đủ hóa đơn chứng từ theo qui định của pháp luật

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ



Được trừ mọi khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản chi sau:
 - Khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
 - Khoản chi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác theo quy định của pháp luật;
 - Khoản chi hỗ trợ phục vụ cho hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp;
 - Các khoản chi thực tế cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS nơi làm việc của doanh nghiệp.
 - Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động mà doanh nghiệp có hóa đơn, chứng từ theo quy định.
- Khoản chi có *đủ hoá đơn, chứng từ* theo quy định của pháp luật. Đối với hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị *từ 20 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt*, trừ các trường hợp không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật.

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ



1. Các khoản chi không đáp ứng đủ ít nhất một trong hai điều kiện của chi phí được trừ. Trừ phần giá trị tổn thất do thiên tai, dịch bệnh và trường hợp bất khả kháng khác không được bồi thường.
2. Các khoản tiền phạt do vi phạm hành chính (vi phạm luật giao thông, vi phạm chế độ đăng ký kinh doanh, vi phạm chế độ kế toán thống kê, vi phạm pháp luật về thuế...)
3. Khoản chi được bù đắp bằng nguồn kinh phí khác.
4. Phần chi quản lý kinh doanh do DNNN phân bổ cho cơ sở thường trú tại VN vượt mức tính theo phương pháp phân bổ do pháp luật VN quy định.

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ



Công thức phân bổ để xác định chi phí được trừ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí QLKD} \\ \text{do công ty nước} \\ \text{ngoài phân bổ} \\ \text{cho cơ sở} \\ \text{thường trú tại} \\ \text{VN trong kỳ tính} \\ \text{thuế} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{DT tính thuế của cơ sở thường} \\ \text{trú tại VN trong kỳ tính thuế} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng DT của công ty nước} \\ \text{ngoài, bao gồm DT của các cơ} \\ \text{sở thường trú ở các nước khác} \\ \text{trong kỳ tính thuế} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Tổng chi phí} \\ \text{QLKD của} \\ \text{công ty ở} \\ \text{nước ngoài} \\ \text{trong kỳ tính} \\ \text{thuế} \end{array}$$

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ



5. Phần vi vượt mức theo quy định của pháp luật về trích lập dự phòng.
6. Phần chi phí nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa vượt định mức tiêu hao do doanh nghiệp xây dựng, thông báo cho cơ quan thuế và giá thực tế xuất kho.
7. Phần chi trả lãi tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh của đối tượng không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế vượt quá 150% lãi suất cơ bản do NHNNVN công bố tại thời điểm vay.

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ



8. Trích khấu hao TSCĐ không đúng quy định.
9. Khoản trích trước vào chi phí không đúng quy định của pháp luật.
10. Tiền lương, tiền công của chủ DNTN, thù lao trả cho các sáng lập viên, của hội đồng thành viên, hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất kinh doanh; tiền lương, tiền công, các khoản hạch toán khác để trả cho người lao động nhưng thực tế không chi trả hoặc không có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
11. Chi trả lãi tiền vay vốn tương ứng với phần vốn điều lệ còn thiếu.

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ - KHẤU HAO TSCĐ



- Phân trích khấu hao tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng / xe đối với ô tô chở người ≤ 9 chỗ (*trừ ô tô chuyên kinh doanh vận tải hành khách, du lịch & khách sạn, ô tô dùng để làm mẫu và lái thử cho kinh doanh ô tô*);
- Phân trích khấu hao đối với TSCĐ là tàu bay dân dụng & du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn.

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ - KHẤU HAO TSCĐ



Tài sản cố định phục vụ người lao động, trừ những tài sản sau đây:

- Nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca.
- Nhà thay quần áo, nhà vệ sinh.
- Bể chứa nước sạch, nhà để xe
- Phòng hoặc trạm y tế
- Xe đưa đón người lao động
- Cơ sở đào tạo, dạy nghề
- Nhà ở cho người lao động

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ



12. Phần chi vượt mức 03 triệu đồng/tháng/người để: trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động.

- Phần vượt mức quy định của pháp luật để trích nộp các quỹ có tính chất an sinh xã hội (BHXH, BHYT, BHTN)

13. Khoản tài trợ, trừ khoản tài trợ cho:

- Giáo dục, y tế, nghiên cứu khoa học, khắc phục hậu quả thiên tai, làm nhà đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, nhà cho các đối tượng chính sách theo QĐ
- Khoản tài trợ theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ



14. Các khoản chi của hoạt động kinh doanh: ngân hàng, bảo hiểm, xổ số, chứng khoán và một số hoạt động KD đặc thù khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

15. Các khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế, *trừ một số trường hợp đặc thù theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;*

16. Tiền chậm nộp thuế theo quy định của Luật quản lý thuế

17. Phần chi trang phục bằng hiện vật cho người lao động không có hóa đơn, chứng từ. Phần chi trang phục bằng tiền cho người lao động vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm .

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ



18. Khoản chi liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu (*trừ cổ phiếu thuộc loại nợ phải trả*) và cổ tức của cổ phiếu (*trừ cổ tức của cổ phiếu thuộc loại nợ phải trả*), mua bán cổ phiếu quỹ và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc tăng, giảm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

19. Chi thưởng sáng kiến, cải tiến mà doanh nghiệp không có quy chế quy định cụ thể về việc chi thưởng sáng kiến, cải tiến, không có hội đồng nghiệm thu sáng kiến, cải tiến.

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ



20. Chi phụ cấp tàu xe đi nghỉ phép không đúng theo quy định của Bộ Luật Lao động.
21. Khoản chi trả trợ cấp mất việc làm cho người lao động không theo đúng quy định hiện hành.
22. Các khoản chi được trừ sau đây nhưng nếu chi *không đúng đối tượng, không đúng mục đích hoặc mức chi vượt quá quy định*:
- Một số các khoản chi thêm cho lao động nữ được tính vào chi phí được trừ theo quy định.
 - Các khoản chi thêm cho người dân tộc thiểu số được tính vào chi phí được trừ theo quy định

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ



23. Chi đóng góp hình thành nguồn chi phí quản lý cho cấp trên.
24. Phần chi đóng góp vào các quỹ của Hiệp hội (các Hiệp hội này được thành lập theo quy định của pháp luật) vượt quá mức quy định của Hiệp hội.
25. Chi trả tiền điện, tiền nước đối với những hợp đồng điện nước do chủ sở hữu là HGĐ, cá nhân cho thuê địa điểm sản xuất, kinh doanh ký trực tiếp với đơn vị cung cấp điện, nước không có đủ chứng từ.
26. Phần chi phí thuê tài sản cố định vượt quá mức phân bổ theo số năm mà bên đi thuê trả tiền trước.

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ



27. Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ tính thuế.

28. Chi tài trợ cho giáo dục (bao gồm cả chi tài trợ cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp), cho y tế, cho khắc phục hậu quả thiên tai, làm nhà cho người nghèo, làm nhà tình nghĩa, làm nhà đại đoàn kết không đúng đối tượng quy định hoặc không có hồ sơ xác định khoản tài trợ.

29. Chi tài trợ nghiên cứu khoa học không đúng quy định, chi tài trợ cho các đối tượng chính sách không theo quy định, chi tài trợ không theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

CHI PHÍ KHÔNG ĐƯỢC TRỪ



- 30. Chi về đầu tư xây dựng cơ bản trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định.
- 31. Chi ủng hộ địa phương; chi ủng hộ các đoàn thể, tổ chức xã hội; chi từ thiện.
- 32. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vượt mức thực tế phát sinh của năm.
- 33. Các khoản chi đã được chi từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;
- 34. Chi phí mua thẻ hội viên sân golf, chi phí chơi golf.

CHI PHÍ ĐƯỢC TRỪ



Trích	Người lao động	Người sử dụng lao động
Bảo hiểm xã hội	8%	17,3%
Bảo hiểm y tế	1,5%	3%
Kinh phí công đoàn		2% 1%(DN có vốn ĐTNN).
Bảo hiểm thất nghiệp	1%	1%

THU NHẬP MIỄN THUẾ



1. Thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã.
2. Thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp gồm: thu nhập từ dịch vụ tưới, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh....
3. Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam.
Thời gian miễn thuế tối đa không quá 1 năm

THU NHẬP MIỄN THUẾ



4. Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp dành riêng cho lao động là người tàn tật, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV theo quy định của chính phủ.
5. Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tệ nạn xã hội.
6. Thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết kinh tế với doanh nghiệp trong nước sau khi đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.
7. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải (CERs) lần đầu của doanh nghiệp được cấp chứng chỉ giảm phát thải...

THU NHẬP MIỄN THUẾ



8. Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.
9. Thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao cho NHPTVN trong hoạt động tín dụng đầu tư phát triển, tín dụng xuất khẩu.
10. Thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho TC, CN ở địa bàn có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn.
11. Phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục- đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội khác.

VÍ DỤ 4



Một doanh nghiệp với giả định không có trích lập quỹ khoa học và công nghệ, không có thu nhập miễn thuế, không có lỗ lũy kế, trong năm tính thuế có các tài liệu sau:

- ✓ Doanh thu tiêu thụ sản phẩm là : 2.000 triệu đồng.
- ✓ Thu phạt vi phạm hợp đồng kinh tế: 200 triệu đồng.
- ✓ Chi phí doanh nghiệp kê khai: 1.400 trđ trong đó:
 - Phạt vi phạm hợp đồng kinh tế: 150 trđ.
 - Lãi vay vốn sản xuất kinh doanh: 100 trđ.

Yêu cầu : Tính số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Biết rằng thuế suất thuế TNDN là 20%

VÍ DỤ 5



Trong 1 năm tài chính, doanh nghiệp C có số liệu như sau:

- Thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm là 250 triệu đồng
- Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng là 140 triệu đồng
- Thu nhập từ hoạt động đầu tư chứng khoán là 300 triệu đồng.

Trường hợp này doanh nghiệp C sẽ phải nộp thuế TNDN là bao nhiêu biết rằng thu nhập của hoạt động sản xuất phần mềm đang thuộc diện ưu đãi thuế TNDN với mức thuế suất là 10% và thuế suất chuẩn thuế TNDN là 20%.

VÍ DỤ 6



Một doanh nghiệp trong năm tính thuế có các tài liệu sau:

- ✓ Doanh thu tiêu thụ sản phẩm là 5.000 triệu đồng.
- ✓ Thu nhập được chia từ hoạt động liên doanh trong nước (**chưa nộp thuế TNDN tại nơi góp vốn**) 300 triệu đồng.
- ✓ Chi phí phân bổ cho sản phẩm tiêu thụ: 3.500 trđ trong đó:
 - Chi đào tạo tay nghề cho công nhân 200 trđ.
 - Trích dự phòng đầu tư tài chính 100 trđ.
 - Lãi vay vốn pháp định 200 trđ.

Yêu cầu: Tính số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Biết rằng thuế suất thuế TNDN là 20%

VÍ DỤ 7



Năm 2016, Công ty A có thu nhập từ hoạt động kinh doanh là 400 triệu đồng; thu nhập khác 100 triệu đồng; thu nhập miễn thuế 10 triệu; lỗ năm trước được kết chuyển 50 triệu; trích lập quỹ KHCN 10% thu nhập tính thuế.

Yêu cầu: Xác định số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm này là bao nhiêu nếu biết rằng thuế suất thuế TNDN là 20%?

VÍ DỤ 8



Một công ty cổ phần trong năm tính thuế có số liệu như sau:

- Doanh thu tiêu thụ sản phẩm: 10 tỷ đồng.
- Chi phí doanh nghiệp kê khai: 8.5 tỷ đồng, trong đó:
 - + Tiền lương của các sáng lập viên doanh nghiệp nhưng không tham gia điều hành doanh nghiệp có chứng từ hợp pháp: 500 triệu đồng

Yêu cầu: Xác định số thuế TNDN phải nộp năm này là bao nhiêu nếu biết rằng thuế suất thuế TNDN là 20%?

LỖ



1. Lỗ phát sinh trong kỳ tính thuế là số chênh lệch âm về thu nhập tính thuế chưa bao gồm các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước chuyển qua.
2. Doanh nghiệp có lỗ được chuyển toàn bộ và liên tục số lỗ vào thu nhập chịu thuế đã trừ thu nhập được miễn thuế của những năm tiếp theo. Thời gian được chuyển lỗ liên tục không quá 5 năm, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ.

LỖ



- **Doanh nghiệp có lỗ từ:**

- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản,
- Chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư

sau khi đã thực hiện bù trừ theo quy định nếu còn lỗ và doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản *được chuyển lỗ sang năm sau vào thu nhập tính thuế của hoạt động đó.*

QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN



- Doanh nghiệp được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển KH&CN
- Riêng đối với doanh nghiệp nhà nước, tỷ lệ được trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ để lập Quỹ. Tỷ lệ trích cụ thể căn cứ vào khả năng và nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động KH&CN của doanh nghiệp nhà nước.

QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN



- Doanh nghiệp được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm để lập Quỹ phát triển KH&CN
- Riêng đối với doanh nghiệp nhà nước, tỷ lệ được trích từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế TNDN trong kỳ để lập Quỹ. Tỷ lệ trích cụ thể căn cứ vào khả năng và nhu cầu sử dụng nguồn vốn cho hoạt động KH&CN của doanh nghiệp nhà nước.

QUỸ PHÁT TRIỂN KHCN



- Các Khoản chi từ Quỹ phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định.
- Các Khoản chi đã được bảo đảm từ nguồn Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp không được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế.
- Trường hợp trong năm bất kỳ, DN có nhu cầu sử dụng cho hoạt động KH&CN vượt mức số dư hiện có tại Quỹ thì phần chênh lệch còn lại giữa số thực chi và số đã trích Quỹ được lựa chọn hoặc lấy từ số trích lập Quỹ của các năm tiếp theo để bù vào số còn thiếu hoặc tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế.

QUỸ PHÁT TRIỂN KHCN



Trong thời hạn 5 năm, kể từ khi trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ:

- Không được sử dụng
- Hoặc sử dụng không hết 70%
- Hoặc sử dụng không đúng mục đích

thì doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước phần thuế TNDN tính trên khoản thu nhập đã trích lập quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế TNDN đó.

QUỸ PHÁT TRIỂN KHCN



- Thuế suất dùng để tính số thuế thu hồi là thuế suất áp dụng cho doanh nghiệp trong thời gian trích lập quỹ.
- **Thời điểm xác định trích quỹ theo nguyên tắc:** số tiền trích quỹ trước thì sử dụng trước.

QUỸ PHÁT TRIỂN KHCN



- Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ *không sử dụng hết là lãi suất trái phiếu (hoặc tín phiếu) kho bạc loại kỳ hạn 1 năm* áp dụng tại thời điểm thu hồi và thời gian tính lãi là 2 năm.
- Lãi suất tính lãi đối với số thuế thu hồi tính trên phần quỹ *sử dụng sai mục đích là mức tính tiền chậm nộp thuế* theo quy định của Luật quản lý thuế và thời gian tính lãi là khoảng thời gian kể từ khi ngày xảy ra hành vi vi phạm đến ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN



ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Trường hợp Quỹ đã trích chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70%:

- (*) Nộp 1 phần quỹ chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết về Quỹ phát triển KH&CN quốc gia hoặc Quỹ phát triển KH&CN của các bộ chủ quản, tỉnh, thành phố nơi DN đăng ký nộp thuế.
- Số tiền nộp tối thiểu bằng 20% số Quỹ đã trích mà chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70%.
- Số tiền Quỹ còn lại sau khi đã trích nộp (*) sẽ làm cơ sở tính thuế TNDN thu hồi và tính lãi phát sinh.

QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN



ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KHÁC

Trường hợp Quỹ đã trích chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết 70%:

- Được quyền đóng góp vào các quỹ phát triển KH&CN của tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế.
- Số tiền Quỹ còn lại sau khi đã đóng góp (nếu có) sẽ làm cơ sở tính thuế TNDN thu hồi và tính lãi phát sinh.

QUỸ PHÁT TRIỂN KHCN



Trường hợp sử dụng hoặc không sử dụng hết quỹ.

Thuế TNDN bị truy thu	=	Số tiền không sử dụng/không sử dụng hết 70%	*	Thuế suất thuế TNDN
-----------------------------	---	---	---	---------------------------

Lãi phát sinh	=	Thuế TNDN bị truy thu	*	Lãi suất TPKB (1 năm)	*	2
------------------	---	--------------------------	---	--------------------------	---	---

VÍ DỤ 7



Công ty A trích lập quỹ khoa học và công nghệ 2 tỷ đồng bắt đầu từ năm 2015 đến 2019. Đầu năm 2020, công ty báo cáo tình hình sử dụng quỹ sau 5 năm như sau: 1,2 tỷ đồng. Giả sử lãi suất trái phiếu kho bạc là 12%.

Yêu cầu: Tính số thuế công ty bị truy thu và lãi phát sinh trong trường hợp này.

QUỸ PHÁT TRIỂN KHCN



*** Trường hợp sử dụng quỹ sai mục đích:**

Thuế TNDN bị truy thu	=	Số tiền sử dụng sai mục đích	*	Thuế suất thuế TNDN
--------------------------	---	---------------------------------	---	------------------------

Lãi phạt	=	Thuế TNDN bị truy thu	*	Lãi phạt nộp chậm	*	số ngày
-------------	---	--------------------------	---	----------------------	---	------------

VÍ DỤ 9



Công ty B trích lập quỹ Khoa học và công nghệ như sau

Năm	Số tiền trích lập (triệu đồng)
2015	200
2016	300
2017	300
2018	500
2019	700
Tổng cộng	2000

VÍ DỤ 9



Ngày 05/05/2017, cơ quan thuế phát hiện năm 2016 công ty sử dụng 200 triệu từ quỹ trong đó có 40 triệu công ty sử dụng sai mục đích và lập biên bản, xử phạt. Yêu cầu: Xác định số tiền công ty phải nộp cho nhà nước trong ba trường hợp sau:

1. Trường hợp 1: Năm 2015 Công ty chỉ sử dụng 150 triệu.
2. Trường hợp 2: năm 2015 Công ty sử dụng hết quỹ.
3. Trường hợp 3: Giả sử số tiền sai mục đích là 70 triệu và năm 2015 công ty chỉ sử dụng hết 150 triệu.

Biết rằng ngày công ty nộp phạt là ngày 30/08/2017

THU NHẬP CHỊU THUẾ



Đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (*trừ thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán*) được xác định bằng tổng số tiền thu theo hợp đồng chuyển nhượng trừ (-) giá mua trừ (-) chi phí liên quan trực tiếp đến việc chuyển nhượng.

Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá bán trừ (-) giá mua trừ (-) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc chuyển nhượng chứng khoán.

Đối với thu nhập từ bản quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ được xác định bằng tổng số tiền thu được trừ (-) giá vốn hoặc chi phí tạo ra trừ (-) chi phí duy trì, nâng cấp, phát triển quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ được chuyển giao và các khoản chi được trừ khác;

THU NHẬP CHỊU THUẾ



Đối với thu nhập về cho thuê tài sản được xác định bằng doanh thu cho thuê trừ (-) các khoản trích khấu hao cơ bản, chi phí duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản, chi phí thuê tài sản để cho thuê lại (nếu có) và các chi phí khác được trừ liên quan đến việc cho thuê tài sản;

Thu nhập từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản (*trừ bất động sản*) bằng số tiền thu được từ chuyển nhượng, thanh lý tài sản trừ (-) giá trị còn lại của tài sản ghi trên sổ sách kế toán tại thời điểm chuyển nhượng, thanh lý và các khoản chi phí được trừ liên quan đến việc chuyển nhượng, thanh lý tài sản;

THU NHẬP CHỊU THUẾ



Thu nhập từ hoạt động bán ngoại tệ bằng tổng số tiền thu từ bán ngoại tệ trừ (-) giá vốn của số lượng ngoại tệ bán ra;

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản được điều chuyển khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chuyển đổi chủ sở hữu, góp vốn là phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại của tài sản với giá trị còn lại của tài sản đó ghi trên sổ sách kế toán trước khi đánh giá lại tài sản.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) phân chia lợi nhuận sau thuế, thu nhập được xác định bằng tổng doanh thu theo hợp đồng BCC trừ (-) tổng chi phí liên quan đến việc tạo ra doanh thu của hợp đồng BCC.

Các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động SXKD ở nước ngoài là tổng các khoản thu nhập nhận được trước thuế.

PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ

5.2.2. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ. Dựa trên Doanh thu.

**THUẾ TNDN
PHẢI NỘP**

=

**DOANH
THU**

X

TỶ LỆ %

Áp dụng



- Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh.
- Các doanh nghiệp nước ngoài có/không có cơ sở thường trú tại Việt Nam(*, **)

TỶ LỆ DOANH THU



LOẠI HÌNH	TỶ LỆ
- Dịch vụ riêng	5%
- Dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino	10%
- Cung ứng dịch vụ có gắn với hàng hóa thì hàng hóa được tính theo tỷ lệ	1%
- Không tách riêng được giá trị HH với giá trị DV.	2%
- Cung cấp và phân phối HH tại VN theo hình thức xuất NK tại chỗ hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế	1%
- Tiền bản quyền	10%
- Thuê tàu bay	2%
- Thuê giàn khoan, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải	5%

TỶ LỆ DOANH THU



LOẠI HÌNH	TỶ LỆ
- Lãi tiền vay	5%
- Chuyển nhượng Chứng khoán, tái Bảo hiểm ra nước ngoài	0,1%
- Dịch vụ tài chính phái sinh	2%
- Xây dựng, vận tải và hoạt động khác	2%
- Đối với dịch vụ(bao gồm lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay)	5%
- Riêng hoạt động giáo dục, y tế, biểu diễn, nghệ thuật	2%
- Đối với kinh doanh hàng hóa	1%
- Đối với hoạt động khác	2%

5.2.3. THUẾ SUẤT



- Luật năm 1990 (hiệu lực từ 01/10/1990): theo lĩnh vực ngành nghề từ 30%, 40%, 50%
- Luật năm 1997 (hiệu lực từ 01/01/1999): 32%
- Luật năm 2003 (hiệu lực từ 01/01/2004): 28%
- Luật năm 2008 (hiệu lực từ 01/01/2009): 25%
- Luật sửa đổi năm 2013 (hiệu lực từ 01/01/2014):
 - Từ 01/01/2014: 22%
 - Từ 01/01/2016: 20%

5.2.3. ƯU ĐÃI THUẾ SUẤT



Ưu đãi về thuế suất:

- 10% trong 15 năm.
- 10%.
- 20% trong 10 năm.
- 20% đối với QTDND và TCTCVM

Ưu đãi thời gian miễn, giảm thuế.

- Miễn tối đa không quá 4 năm, giảm 50% trong 9 năm tiếp.
- Miễn tối đa không quá 2 năm, giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

VÍ DỤ 10



Doanh nghiệp A thuộc diện hưởng ưu đãi thuế TNDN với mức thuế suất 10% áp dụng trong 15 năm. Ở năm hoạt động thứ 8, doanh nghiệp A có thu nhập từ hoạt động kinh doanh là 600 triệu đồng và thu nhập chịu thuế khác là 100 triệu đồng.

Yêu cầu: Xác định số thuế TNDN phải nộp ở kỳ tính thuế này là bao nhiêu nếu biết rằng thuế suất thuế TNDN chuẩn là 20%?

5.2.4. KÊ KHAI NỘP THUẾ



* Kỳ tính thuế:

- Theo năm dương lịch hoặc năm tài chính.
 - Theo từng lần phát sinh thu nhập đối với doanh nghiệp nước ngoài có/không có cơ sở thường trú tại Việt Nam.(*, **)
- Nếu doanh nghiệp đã nộp thuế TNDN hoặc loại thuế tương tự thuế TNDN ở nước ngoài thì được khấu trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài nhưng tối đa không quá số thuế TNDN phải nộp theo quy định của luật thuế TNDN ở VN tính phân bổ cho thu nhập ở nước ngoài.

5.2.4. KÊ KHAI NỘP THUẾ



* Kỳ tính thuế:

- Doanh nghiệp kê khai, nộp thuế tại trụ sở chính.
- Trường hợp doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc hoạt động tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với địa bàn doanh nghiệp có trụ sở chính thì số thuế được tính nộp theo tỷ lệ chi phí giữa nơi có cơ sở sản xuất và nơi có trụ sở chính.
- Việc phân cấp, quản lý, sử dụng nguồn thu được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước

5.2.4. KÊ KHAI NỘP THUẾ



* Quyết toán thuế:

- Doanh nghiệp tạm tính thuế TNDN theo quý.
- Đối chiếu tổng số thuế TNDN đã tạm nộp hàng quý với số thuế TNDN thực nộp nếu:
 - Tổng số thuế TNDN tạm nộp hàng quý $>$ Số thuế thực nộp: chuyển tiếp sang các kỳ tiếp theo.
 - Tổng số thuế TNDN tạm nộp hàng quý $<$ Số thuế thực nộp: DN nộp thêm tiền thuế cho nhà nước. hạn cuối để doanh nghiệp nộp số tiền thuế TNDN còn thiếu của năm quyết toán là 10 ngày kể từ ngày sau khi quyết toán xong với cơ quan thuế

5.2.4. KÊ KHAI NỘP THUẾ



* Nơi nộp thuế:

- Doanh nghiệp nộp thuế tại nơi có trụ sở chính.
- Trường hợp doanh nghiệp *có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc* hoạt động tại địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với địa bàn nơi doanh nghiệp có trụ sở chính thì số thuế được tính nộp theo tỷ lệ chi phí giữa nơi có cơ sở sản xuất và nơi có trụ sở chính.
- Việc phân cấp, quản lý, sử dụng nguồn thu được thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

5.3. THUẾ TNDN TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA



BIỂU THUẾ TNDN CỦA ANH

Lợi nhuận (Bảng/năm)	Thuế suất %
Dưới 10.000	0
Từ 10.000 đến 50.000	13,75
Từ 50.001 đến 300.000	19
Từ 300.001 đến 1.500.000	32,75
Trên 1.500.000	30

5.3. THUẾ TNDN TẠI MỘT SỐ QUỐC GIA



BIỂU THUẾ TNDN CỦA MỘT SỐ NƯỚC ASEAN

Nước	Thuế suất %
Indonesia	30
Thái Lan	30 20-25% đối với DN vừa và nhỏ
Singapore	20

5.4. CẢI CÁCH THUẾ



- ✓ Điều chỉnh, giảm mức thuế suất chung theo lộ trình phù hợp để thu hút đầu tư tạo điều kiện để DN có thêm nguồn lực tài chính, tăng tích lũy để đẩy mạnh đầu tư phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- ✓ Đơn giản hóa chính sách ưu đãi thuế theo hướng hẹp về lĩnh vực, tiếp tục khuyến khích đầu tư vào các ngành sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, các ngành công nghiệp hỗ trợ, sử dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, dịch vụ chất lượng cao, lĩnh vực xã hội hóa...

5.4. CẢI CÁCH THUẾ



- ✓ Bổ sung quy định về các khoản chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.
- ✓ Bổ sung các quy định để bao quát được các hoạt động kinh tế mới phát sinh trong kinh tế thị trường hội nhập và phù hợp với thông lệ quốc tế như:
 - Hoạt động bán hàng đa cấp, thương mại điện tử.
 - Sự phát triển của các tập đoàn kinh tế.
 - Điều chuyển hoặc đánh giá lại tài sản khi tái cơ cấu doanh nghiệp....